

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Bảo hiểm Xã hội tỉnh Khánh Hòa, Địa chỉ: Số 05 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: _Bảo hiểm Xã hội tỉnh và cơ sở trên toàn tỉnh.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thông báo trúng thầu; - Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Điều kiện chung của hợp đồng; - Hồ sơ mời thầu của bên giao thầu; - Hồ sơ dự thầu của bên nhận thầu; - Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; - Các phụ lục của hợp đồng; - Các tài liệu khác có liên quan
E-ĐKC 4.1	- Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Bảo hiểm Xã hội tỉnh Khánh Hòa, Địa chỉ: Số 05 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 15 ngày, sau khi hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>Không có</i>
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: <i>Trọn gói</i>

E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố Định.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng".
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Thỏa thuận (không quá 30%)
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng.
E-ĐKC 15	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với :5%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12 % . Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Không.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 30% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác:

	<ul style="list-style-type: none"> - Lý do thiên tai, dịch bệnh. - Vương Mặt bằng.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Chấp thuận hay không chấp thuận, kèm Biên bản nghiệm thu</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 12 tháng.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 15 Ngày
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 20 ngày. - Giải quyết tranh chấp: 45 ngày Nếu các bên hòa giải không thành thì Tòa án Nhân dân tỉnh Ninh Thuận sẽ được chỉ định là nơi giải quyết các tranh chấp và án phí ban đầu do bên nguyên chịu, không phụ thuộc vào quyết định của Tòa án

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

- (1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.
- (2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.
- (3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]*Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:*⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chủ đầu tưTên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]**Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)**Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**Tên nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
 - a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm.*
 - b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo thời gian:*
 - *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*
 - *Giá trị thuế*
 - *Dự phòng.*
 - c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*
 - *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*
 - *Giá trị thuế*

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

2. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá : _____ [trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT] giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

(áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn là
mua sắm tập trung theo thỏa thuận khung)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu]; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ giữa đơn vị mua sắm tập trung: _____ [ghi tên đơn vị mua sắm tập trung] và nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn: _____ [ghi tên nhà thầu cung cấp dịch vụ]; [Hệ thống trích xuất thông tin sau khi đơn vị có nhu cầu mua sắm nhập đúng thông tin về số, ngày tháng của thỏa thuận khung]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin nếu có]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm (sau đây gọi là Bên A)

Tên đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____; [Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Đơn vị có nhu cầu mua sắm ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm

Tên Đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Đơn vị có nhu cầu mua sắm/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thỏa thuận khung;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);
- Giá trị thuế
- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);
- Giá trị thuế
- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .

2. Phương thức thanh toán: ____ [*Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của thỏa thuận khung*].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [*Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT của thỏa thuận khung*].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[*xác nhận, ký số*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA
SẮM/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[*xác nhận, ký số*]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾*] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày

thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
DỰA TRÊN KẾT QUẢ ĐẦU RA

Ví dụ 1: Yêu cầu kỹ thuật dựa trên chất lượng đầu ra gói thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh toà nhà

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về đầu ra
1. Lối vào và hành lang	
1.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn - Các vết do giày gây ra trong quá trình dọn dẹp không được coi là thiếu sót <i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới khu vực quanh tay nắm cửa. Nếu xuất hiện các vết bẩn gây ra do quá trình làm sạch, điều này được coi là thiếu sót</i>
1.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn - Một vết bẩn được cô lập có thể được chấp nhận. Sàn được phủ bằng hàng dệt may không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
1.3. Tường/Vách ngăn	- Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn <i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới phần đường chỉ dính kèm giữa vách ngăn và khung vách ngăn.</i>
1.4. Phào chân tường	Được phép có ít bụi
1.5. Kính/Cửa sổ	Có thể xuất hiện một số vết bẩn nhỏ
1.6. Đồ đạc/Nội thất	Được phép có ít bụi
1.7. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
1.8. Cuộn dây vòi cứu hoả/Bình cứu hoả	Có thể xuất hiện một số vết bẩn nhỏ
2. Cầu thang	
2.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn - Các vết do giày gây ra không được coi là thiếu sót <i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới khu vực quanh tay nắm cửa. Nếu xuất hiện các vết bẩn gây ra do quá trình làm sạch, điều này được coi là thiếu sót</i>
2.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn

	<ul style="list-style-type: none"> - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn - Một vết bẩn được cô lập có thể được chấp nhận. Sàn được phủ bằng hàng dệt may không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
2.3. Tường	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn <p><i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới phần đường chỉ dính kèm giữa vách ngăn và khung vách ngăn.</i></p>
2.4. Bậc thang	Không có bụi, vết bẩn và mảnh vụn
2.5. Tay vịn	Không có bụi và vết bẩn
2.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
3. Nhà vệ sinh	
3.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi và vết bẩn - Các vết do giày gây ra không được coi là thiếu sót <p><i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới khu vực quanh tay nắm cửa. Nếu xuất hiện các vết bẩn gây ra do quá trình làm sạch, điều này được coi là thiếu sót</i></p>
3.2. Sàn (bao gồm cả nắp thoát nước)	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi, bùn đất và vết bẩn - Một vết bẩn được cô lập có thể được chấp nhận. Sàn được phủ bằng hàng dệt may không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
3.3. Vách ngăn/Tường	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn <p><i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới phần đường chỉ dính kèm giữa vách ngăn và khung vách ngăn.</i></p>
3.4. Bảng kính/Cửa sổ	Có thể xuất hiện một số vết bẩn nhỏ
3.5. Gương	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi và vết bẩn - Các vết gây ra do quá trình dọn dẹp được coi là thiếu sót
3.6. Đồ đạc/Nội thất	Được phép có ít bụi
3.7. Công tắc/Ổ điện/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
3.8. Chậu rửa tay/ Bàn chậu	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi và vết bẩn - Vòi nước không có vết bẩn - Không có tóc và rác trên lưới lọc trong lỗ thoát nước

	<p>- Nếu ống thoát nước bao gồm trong chương trình hàng ngày, ống thoát nước không có bụi và vết bẩn</p> <p><i>Lưu ý: Nếu lòng chậu rửa mặt bị bẩn do da dầu hoặc cặn xà phòng, có thể xác minh bằng mắt thông qua việc cho nước chảy trên bề mặt chậu. Nếu chậu rửa mặt được làm sạch đúng cách, nước sẽ chảy như một lớp mỏng trên thành chậu tới lỗ thoát nước. Nếu chậu rửa mặt được làm sạch không đúng cách, nước sẽ chảy theo các dòng bị vỡ dọc theo lòng chậu.</i></p>
3.9. Máy sấy tay	Không có bụi và vết bẩn
3.10. Bồn cầu	<p>- Lòng bồn cầu không có vết bẩn</p> <p>- Không có mùi hôi</p> <p>- Không xuất hiện cặn đá vôi</p> <p>- Bên ngoài bồn cầu không có bụi và vết bẩn</p> <p><i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới khu vực nối giữa bệ ngồi và bồn cầu, vị trí đầu ra của ống thoát nước và chân bồn cầu nơi có các ốc vít bắt xuống</i></p>
3.11. Nắp bồn cầu	<p>- Cả mặt trên và mặt dưới nắp bồn cầu không có bụi và vết bẩn</p> <p><i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới phần bản lề và các điểm cố định</i></p>
3.12. Bồn tiểu nam	<p>- Lòng trong bồn tiểu không có vết bẩn</p> <p>- Không có mùi hôi</p> <p>- Không xuất hiện cặn đá vôi</p> <p>- Bên ngoài bồn tiểu không có bụi và vết bẩn</p>
3.13. Thiết bị xả nước	<p>- Cản gạt của thiết bị xả nước, bề nước gắn thấp và ống thoát nước của bồn cầu hoặc tiểu nam không có bụi và vết bẩn</p> <p>- Các phần còn lại của hệ thống (như bề nước gắn cao) phải sạch sẽ, một ít vết bẩn hoặc bụi có thể xuất hiện</p>
<p>3.14. Phòng tắm:</p> <p>3.14.1. Thiết bị vòi tắm</p> <p>3.14.2. Sàn phòng tắm, bao gồm cả khe thoát nước</p> <p>3.14.3. Tường phòng tắm</p>	<p>- Tất cả 3 thành phần trên không có bụi và vết bẩn</p> <p>- Không có tóc hoặc rác trên khe thoát nước</p> <p><i>Lưu ý: Nếu trong phòng tắm bị bẩn do da dầu hoặc cặn xà phòng, có thể xác minh bằng mắt thông qua việc cho nước chảy trên tường phòng tắm. Nếu phòng tắm được làm sạch đúng cách, nước sẽ chảy như một</i></p>

	<i>lớp mỏng trên tường tới khe thoát nước. Nếu phòng tắm được làm sạch không đúng cách, nước sẽ chảy theo các dòng bị vỡ dọc theo bề mặt tường.</i>
3.15. Hộp đựng khăn tắm	- Không có bụi và vết bẩn <i>Lưu ý: Một số nơi để khăn tắm được làm từ nhựa và có thể tích điện khi cọ xát. Nếu xuất hiện bụi ở hộp đựng khăn tắm, điều này được coi là thiếu sót</i>
3.16. Hộp đựng xà phòng	- Không có bụi và vết bẩn - Xà phòng phải luôn được cung cấp đầy đủ
3.17. Hộp đựng giấy vệ sinh	- Không có bụi và vết bẩn - Giấy vệ sinh phải luôn được cung cấp đầy đủ
3.18. Nơi treo giấy vệ sinh	- Không có bụi và vết bẩn - Giấy vệ sinh phải luôn được cung cấp đầy đủ
3.19. Thùng rác	- Không có rác bừa bãi trên nền nhà - Có thể có rác trong thùng rác (một hoặc hai tờ khăn giấy do bộ phận lau dọn sử dụng) - Trong thùng rác không phải hoàn toàn sạch sẽ, nhưng không được có bùn đất và bụi bẩn bám vào. Áp dụng tương tự với nắp thùng, nếu có. - Nếu rác thải được cung cấp với một bao nhựa bên trong những điều trên áp dụng cho bao bì nhựa - Bên ngoài nắp thùng, nếu có, không có bụi và vết bẩn. Một vài vết có thể xuất hiện bên ngoài nắp thùng.
3.20. Khu vực thay tã trẻ em	Không có bụi và vết bẩn
4. Thang máy	
4.1. Sàn/Tường/Cửa	- Sàn không có bụi - Một vết bẩn nhỏ có thể chấp nhận - Các vách bên trong thùng thang và bảng điều khiển không có bụi và vết bẩn
4.2. Gương	- Không có vết bẩn - Không có dấu vân tay
4.3. Góc thang và đèn	Không có bụi
4.4. Ray trượt cửa thang máy	Không có các mảnh vụn
5. Thang cuốn	
5.1. Kính	- Có thể xuất hiện ít bụi - Không có dấu vân tay

5.2. Tay vịn	- Không có bụi - Không có vết bẩn
5.3. Cấu trúc	- Có thể xuất hiện ít bụi - Không có vết bẩn không thể lau chùi
5.4. Bậc nghi đầu và cuối thang	- Không có mảnh vụn - Đường rãnh không phải hoàn toàn sạch sẽ nhưng không có bùn đất và bụi bẩn bám vào
5.5. Bậc thang	- Không có mảnh vụn - Đường rãnh không phải hoàn toàn sạch sẽ nhưng không có bùn đất và bụi bẩn bám vào
6. Văn phòng	
6.1. Bề mặt cửa/Khung cửa/Tay co thủy lực	- Không có bụi và vết bẩn - Các vết do giày gây ra trong quá trình dọn dẹp không được coi là thiếu sót <i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới khu vực quanh tay nắm cửa. Nếu xuất hiện các vết bẩn gây ra do quá trình làm sạch, điều này được coi là thiếu sót</i>
6.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn - Một vết bẩn được cô lập có thể được chấp nhận. Sàn được phủ bằng hàng dệt may không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
6.3. Tường/Vách ngăn	- Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn <i>Lưu ý: Phải đặc biệt chú ý tới phần đường chỉ dính kèm giữa vách ngăn và khung vách ngăn.</i>
6.4. Phào chân tường	Được phép có ít bụi
6.5. Kính/Cửa sổ	Có thể xuất hiện một số vết bẩn nhỏ
6.6. Đồ đạc/Nội thất	Không có bụi và vết bẩn
6.7. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	Không có bụi và vết bẩn
6.8. Cuộn dây vòi cứu hoả/Bình cứu hoả	Có thể xuất hiện một số vết bẩn nhỏ
6.9. Thùng đựng giấy rác	- Không có rác bừa bãi trên nền nhà - Có thể có rác trong thùng rác (một hoặc hai tờ khăn giấy do bộ phận lau dọn sử dụng) - Trong thùng rác không phải hoàn toàn sạch sẽ, nhưng không được có bùn đất và bụi bẩn bám vào. Áp dụng tương tự với nắp thùng, nếu có.

	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu rác thải được cung cấp với một bao nhựa bên trong những điều trên áp dụng cho bao bì nhựa - Bên ngoài nắp thùng, nếu có, không có bụi và vết bẩn. Một vài vết có thể xuất hiện bên ngoài nắp thùng.
7. Trần nhà	
7.1. Thiết bị chiếu sáng	<ul style="list-style-type: none"> - Không có dấu vân tay - Không có bụi - Không có vết bẩn
7.2. Lỗ thông hơi	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi - Không có vết bẩn
7.3. Tấm trần/quạt trần	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi - Không có vết bẩn
7.4. Ống dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi - Không có vết bẩn
7.5. Đường ống	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi - Không có vết bẩn
8. Chậu cây	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đầu mẫu thuốc lá - Không có rác và mảnh vụn
9. Mặt tiền bên ngoài	
9.1. Tường	Không có chất bẩn không làm sạch được
9.2. Bề mặt kính	<ul style="list-style-type: none"> - Không có dấu vân tay - Không có hơi nước - Không có chất bẩn không làm sạch được
10. Mái nhà	
10.1. Bề mặt mái nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn
10.2. Lối thoát nước mưa	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn
10.3. Rãnh nước	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn
11. Lề đường, đường lái xe, bãi đậu xe và vỉa hè đi bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cát - Không có rác - Không có mảnh vụn phi hữu cơ - Không có vết bẩn - Khô ráo
12. Khu vực cảnh quan	<ul style="list-style-type: none"> - Không có rác - Không có lá và cành khô - Không có mảnh vụn phi hữu cơ
13. Thoát nước	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cát

	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đất - Không có rác
12. Lan can	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bụi - Không có vết bẩn
13. Khu vực tập kết rác/ Ống đổ rác	<ul style="list-style-type: none"> - Không có rác và mảnh vụn rơi vãi - Không có vết bẩn và chất thải rắn trên tường - Không có mùi hôi
14. Thùng rác	<ul style="list-style-type: none"> - Không có mùi - Lượng rác có ít hơn ½ dung tích thùng - Không có vết bẩn ngoài thùng
15. Khu vực xếp dỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Sàn khô ráo - Không có rác - Không có cát - Không có vết dầu và dư lượng hoá chất

Ví dụ 2: Phụ lục hợp đồng về giảm trừ thanh toán đối với gói thầu cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng

Yêu cầu đầu ra	Yêu cầu về dịch vụ	Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ	Mức độ chất lượng chấp nhận được	Phương pháp giám sát	Giảm trừ thanh toán vì không đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ
Khách hàng gọi điện trong thời gian từ 8h00 đến 17h00 các ngày trong tuần đều có thể gặp được nhân viên hỗ trợ.	Tổng đài có đủ nhân sự và đủ đường dây điện thoại để xử lý cuộc gọi của khách hàng.	99% số cuộc gọi đầu tiên của khách hàng được trả lời ngay.	99% số cuộc gọi đầu tiên của khách hàng được trả lời ngay.	Khảo sát, đánh giá phản hồi của khách hàng. Kiểm tra lịch sử cuộc gọi. Phân tích xu hướng.	Trừ 2% phí dịch vụ hàng tháng
Cuộc gọi của khách hàng được nhân viên tổng đài trả lời kịp thời.	Tổng đài có đủ nhân sự và đủ đường dây điện thoại để xử lý cuộc gọi của khách hàng.	Nhân viên tổng đài nhắc máy trả lời cuộc gọi trong vòng 20 giây hoặc chế độ trả lời tự động được bật lên sau đó. Trong vòng 1 tiếng kể từ cuộc gọi của khách hàng, tổng đài sẽ liên hệ lại.	Nhân viên tổng đài nhắc máy trả lời cuộc gọi trong vòng 30 giây hoặc chế độ trả lời tự động được bật lên sau đó. Trong vòng 30 phút kể từ cuộc gọi của khách hàng nhóm A, tổng đài sẽ liên hệ lại; đối với khách hàng nhóm B là 60 phút.	Chọn mẫu ngẫu nhiên trong lịch sử cuộc gọi để kiểm tra thời gian nhận cuộc gọi và thời gian gọi lại cho khách hàng. Đốt xuất kiểm tra tổng đài. Phân tích xu hướng.	Trừ 2% phí dịch vụ hàng tháng
Thời gian trả lời khách hàng càng ngắn càng tốt.	Thời gian trả lời khách hàng không dài hơn so với quy định.	96% số cuộc gọi được giải quyết trong vòng 1 ngày làm việc.	96% số cuộc gọi được giải quyết trong vòng 1 ngày làm việc.	Chọn mẫu ngẫu nhiên trong lịch sử cuộc gọi để kiểm tra thời gian nhận cuộc gọi và thời gian giải đáp xong thắc mắc của khách hàng. Phân tích xu hướng.	Trừ 3% phí dịch vụ hàng tháng

Nhân viên tổng đài nhã nhận và làm việc hiệu quả	Nhân viên trả lời điện thoại phải nhã nhận và tiếp nhận cuộc gọi một cách chuẩn xác, đúng quy trình	Hàng tháng không có quá 2 phản hồi của khách hàng phàn nàn về thái độ nhân viên, về việc làm mất lời nhắn tổng đài của khách hàng.	Hàng tháng không có quá 2 phản hồi của khách hàng phàn nàn về thái độ nhân viên, về việc làm mất lời nhắn tổng đài của khách hàng.	Đợt xuất kiểm tra tổng đài. Thu thập ý kiến khách hàng. Tìm hiểu nguyên nhân khiếu nại và giải quyết trong vòng 1 tuần.	Trừ 3% phí dịch vụ hàng tháng
<i>Các khoản giảm trừ sẽ được tính một lần theo quý</i>					